

Số: 1046 /QĐ-UBND

Huế, ngày 31 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý, vận hành và khai thác
Hệ thống dữ liệu dùng chung trên địa bàn thành phố Huế**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Nghị định số 194/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Tờ diễn dữ liệu dùng chung (Phiên bản 1.0).

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1184/TTr-SKHCN ngày 17 tháng 03 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống dữ liệu dùng chung trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn

thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Công TTĐT thành phố;
- VP: CVP và các PCVP;
- Lưu: VT, TĐKT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Bình

QUY ĐỊNH

Quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống dữ liệu dùng chung trên địa bàn thành phố Huế

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1046/QĐ-UBND ngày 31/3/2026
của UBND thành phố Huế)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định việc quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung do Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố ban hành, bao gồm: quản lý dữ liệu; khai thác và sử dụng dữ liệu; quản lý kết nối, chia sẻ dữ liệu; cung cấp dữ liệu mở của cơ quan nhà nước.

2. Quy định này không áp dụng đối với việc quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật của nhà nước được quy định tại Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các sở, ngành; UBND các xã, phường, các tổ chức và cá nhân tham gia việc quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung* là danh mục các cơ sở dữ liệu của các cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố do Chủ tịch UBND thành phố ban hành theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 8 và khoản 1 Điều 24 Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ Quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị.

2. *Kho cơ sở dữ liệu dùng chung* là hệ thống thông tin phục vụ tích hợp, lưu trữ dữ liệu của các cơ sở dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố để chia sẻ cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng; được lưu trữ tại Trung tâm dữ liệu thành phố.

3. *Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của thành phố (gọi tắt là LGSP)* là hệ thống thông tin được thành phố xây dựng tuân thủ Khung Kiến trúc số thành phố, đóng vai trò trung gian cung cấp các dịch vụ dùng chung phục vụ việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong và ngoài thành phố.

4. *Cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu* là cơ quan có trách nhiệm chính trong việc quản lý, khai thác và sử dụng trực tiếp cơ sở dữ liệu thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan đó.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố

1. Dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố được khai thác, sử dụng vào các mục đích:

- a) Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.
- b) Phục vụ thực hiện các nhiệm vụ vì lợi ích cộng đồng, giải quyết các vấn đề nóng gây bức xúc của xã hội.
- c) Phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan nhà nước.
- d) Phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính.
- đ) Phục vụ công tác chuyển đổi số, phát triển các dịch vụ đô thị thông minh của thành phố.
- e) Phục vụ công khai, chia sẻ dữ liệu cho tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật.
- g) Thực hiện các nhiệm vụ cấp thiết theo chỉ đạo của UBND thành phố.

2. Đảm bảo các nguyên tắc quản lý dữ liệu, cơ sở dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 278/2025/NĐ-CP.

3. Việc xây dựng, cập nhật Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố thực hiện trên nguyên tắc đảm bảo phục vụ các mục đích khai thác, sử dụng dữ liệu đã nêu tại khoản 1 Điều này.

4. Dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung phải được cập nhật và tích hợp kịp thời vào Kho cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố để quản lý tập trung, đảm bảo sẵn sàng chia sẻ cho các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng.

5. Dữ liệu được tích hợp vào Kho cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố có giá trị hoàn toàn tương đồng với dữ liệu được quản lý tại các cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu.

Chương II

QUẢN LÝ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG DỮ LIỆU THUỘC DANH MỤC CƠ SỞ DỮ LIỆU DÙNG CHUNG CỦA THÀNH PHỐ

Điều 5. Hoạt động quản lý dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố

1. Thực hiện tổ chức, quản lý dữ liệu theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 12 Nghị định số 278/2025/NĐ-CP.

2. Rà soát chuẩn hóa, cập nhật cơ sở dữ liệu đảm bảo tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu do cơ quan quản lý chuyên ngành, cơ quan chuyên trách về công nghệ thông tin quy định.

3. Tích hợp, đồng bộ dữ liệu vào Kho cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố.

4. Xác định tần suất, thời gian cập nhật, tích hợp dữ liệu, thời hạn sử dụng dữ liệu chia sẻ.

5. Phối hợp với cơ quan quản lý Kho cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố thực hiện cung cấp và chia sẻ dữ liệu.

6. Đính chính, hiệu chỉnh khi dữ liệu có sai sót, sai lệch so với thực tế.

7. Thông báo cho cơ quan quản lý LGSP khi thay đổi, cập nhật các dịch vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu.

8. Kiểm tra, đánh giá dữ liệu theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 278/2025/NĐ-CP.

Điều 6. Hoạt động quản lý Kho cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố

1. Quản lý cơ sở hạ tầng thông tin phục vụ vận hành Kho cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố đảm bảo hoạt động xuyên suốt, ổn định, tuân thủ các nguyên tắc về an toàn, bảo mật thông tin.

2. Quản lý tài khoản và phân quyền khai thác dữ liệu.

3. Hướng dẫn, theo dõi và đôn đốc các cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung thực hiện cập nhật, đồng bộ, tích hợp dữ liệu vào Kho cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố.

4. Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan cung cấp dữ liệu khi chia sẻ dữ liệu được quy định tại Điều 9 Nghị định số 278/2025/NĐ-CP.

5. Tổng hợp, phân tích dữ liệu để hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến các nội dung tại khoản 1 Điều 4 của Quy định này, định hướng xây dựng kế hoạch phát triển dài hạn và các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của UBND thành phố.

6. Phối hợp với các cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố để kiểm tra, đánh giá dữ liệu.

Điều 7. Khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn việc quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu trong phạm vi quản lý.

b) Theo dõi, đôn đốc, đánh giá, kiểm tra việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị trong thành phố, tham mưu người đứng đầu giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu.

c) Phối hợp với Công an thành phố tiến hành kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ chuẩn kết nối, tiêu chuẩn kỹ thuật, bảo đảm an toàn thông tin, việc tuân thủ các quy định về an ninh mạng, an toàn thông tin, pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung có trách nhiệm:

a) Khai thác, sử dụng dữ liệu đúng mục đích đã quy định tại khoản 1 Điều 4 của Quy định này và các nội dung cụ thể khi đề nghị khai thác dữ liệu.

b) Tuân thủ các quy định pháp luật về an ninh mạng, pháp luật chuyên ngành liên quan đến dữ liệu, pháp luật về bảo vệ quyền riêng tư của tổ chức, cá nhân, Khung Kiến trúc số thành phố trong quá trình khai thác và sử dụng dữ liệu.

c) Các giải pháp kỹ thuật được sử dụng để khai thác, sử dụng dữ liệu phải tuân thủ theo mô hình Khung Kiến trúc số thành phố.

d) Trường hợp thực hiện khai thác, sử dụng dữ liệu có liên quan đến bên thứ ba thì bên thứ ba phải thực hiện các cam kết, thỏa thuận về khai thác, sử dụng dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan quản lý Kho cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố.

đ) Thông báo đến cơ quan quản lý Kho cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố khi dữ liệu chia sẻ có sai sót hoặc không phù hợp với thực tế.

e) Phối hợp với cơ quan quản lý LGSP của thành phố để xử lý các vướng mắc khi thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu.

Chương III

QUẢN LÝ KẾT NỐI, CHIA SẺ DỮ LIỆU VÀ CUNG CẤP DỮ LIỆU MỞ

Điều 8. Hoạt động quản lý LGSP của thành phố

1. Quản lý hạ tầng thông tin, hạ tầng kết nối mạng đảm bảo thông suốt phục vụ hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu, đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng.

2. Quản lý tập trung và công khai thông tin các dịch vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu.

3. Quản lý, điều phối hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu qua LGSP của thành phố.

4. Cập nhật, điều chỉnh các dịch vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu khi có thay đổi. Theo dõi, đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc kết nối chia sẻ dữ liệu qua LGSP của thành phố.

5. Hỗ trợ các giải pháp kỹ thuật để tự động tích hợp, đồng bộ dữ liệu vào Kho cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố thông qua các dịch vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu qua LGSP của thành phố.

6. Xử lý các vướng mắc khi thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu.

Điều 9. Cung cấp dữ liệu mở

1. Dữ liệu mở của thành phố được cung cấp tập trung, thống nhất trên Cổng dữ liệu của thành phố tại địa chỉ <https://data.hue.gov.vn>.

2. Căn cứ hình thức chia sẻ dữ liệu mở được quy định tại Nghị định số 194/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một

số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước và các quy định hiện hành, cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu phối hợp với cơ quan quản lý Cổng dữ liệu của thành phố thực hiện cung cấp dữ liệu mở thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan.

3. Cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu phải công bố rộng rãi các thông tin về việc cung cấp dữ liệu mở cho tổ chức, cá nhân biết, khai thác và sử dụng.

4. Khuyến khích các cơ quan tăng cường cung cấp dữ liệu mở khác ngoài Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố để tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng.

5. Khuyến khích tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu mở phối hợp với cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu, cơ quan quản lý Cổng dữ liệu của thành phố triển khai giải pháp xây dựng, mở rộng dữ liệu mở.

Điều 10. Quản lý Cổng dữ liệu mở của thành phố

1. Cổng dữ liệu mở của thành phố là cổng thông tin điện tử để cung cấp các thông tin về các kết nối, chia sẻ dữ liệu của thành phố, cung cấp dữ liệu mở của thành phố, các kết quả tổng hợp, phân tích dữ liệu.

2. Cơ quan quản lý Kho cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố có trách nhiệm quản lý, vận hành Cổng dữ liệu mở của thành phố, gồm các nội dung sau:

a) Tuyên truyền, hướng dẫn tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng Cổng dữ liệu mở của thành phố.

b) Hướng dẫn cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu thực hiện cung cấp dữ liệu mở.

c) Cấp tài khoản, phân quyền truy cập, khai thác Cổng dữ liệu mở của thành phố.

d) Công khai các thông tin về kết nối, chia sẻ dữ liệu của thành phố.

đ) Tiếp nhận và điều phối việc xử lý các thông tin phản ánh của các tổ chức, cá nhân liên quan đến dữ liệu chia sẻ, dịch vụ chia sẻ, kết nối dữ liệu.

Chương IV QUẢN TRỊ DỮ LIỆU

Điều 11. Nguyên tắc quản trị dữ liệu

1. Việc quản trị dữ liệu phải tuân thủ Luật Dữ liệu, Luật Giao dịch điện tử, Nghị định số 278/2025/NĐ-CP và Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung (Phiên bản 1.0).

2. Mỗi dữ liệu chỉ có một nguồn gốc tin cậy duy nhất, tránh trùng lặp và phân mảnh.

3. Thu thập dữ liệu một lần, cập nhật dữ liệu thường xuyên, sử dụng nhiều lần qua chia sẻ dùng chung.

4. Dữ liệu được coi là tài sản số của Nhà nước, phải được quản lý, khai thác hiệu quả để tạo giá trị mới, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, theo phương châm “dữ liệu là tài sản; hạ tầng dữ liệu là nền tảng; kinh tế dữ liệu là mũi nhọn”.

Điều 12. Tổ chức quản trị dữ liệu

1. Ban Chỉ đạo về dữ liệu thành phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố làm Trưởng ban có nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát thực hiện các chủ trương, chiến lược, cơ chế chính sách về dữ liệu; xây dựng, phát triển Cơ sở dữ liệu thành phố.

2. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan thường trực, chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn, giám sát triển khai chiến lược dữ liệu số. Phối hợp với Công an thành phố thực hiện kết nối với nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu thông qua Máy chủ bảo mật điểm kết nối (Agent Node).

3. Vai trò, trách nhiệm của các chủ thể:

a) Chủ sở hữu dữ liệu: Chủ tịch UBND thành phố quyết định việc xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng và trao đổi giá trị của dữ liệu do UBND thành phố sở hữu.

b) Chủ quản dữ liệu: Thủ trưởng đơn vị chủ quản dữ liệu chịu trách nhiệm tính chính xác, cập nhật dữ liệu gốc, chuẩn hóa, làm sạch và chia sẻ dữ liệu.

c) Bộ phận quản trị dữ liệu: nghiên cứu, đề xuất các vấn đề liên quan đến hoàn thiện cơ sở pháp lý, chính sách, liên quan đến phát triển, chia sẻ, bảo vệ, quản trị, xử lý, khai thác dữ liệu; xây dựng chương trình, kế hoạch xây dựng, phát triển dữ liệu; xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn, quy chế, quy trình vận hành khai thác dữ liệu; thực hiện quản lý, giám sát, các hoạt động xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu, bảo đảm an ninh, an toàn dữ liệu.

d) Bộ phận tạo lập dữ liệu: giúp Người chịu trách nhiệm quản trị, quản lý dữ liệu tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện tạo lập, thu thập, cập nhật, đồng bộ, khai thác, điều phối dữ liệu.

Điều 13. Quản trị vòng đời dữ liệu

1. Tạo lập và thu thập dữ liệu: tạo, thu thập hoặc tổng hợp dữ liệu từ các hệ thống, biểu mẫu, hoặc nguồn tài liệu chuyên ngành.

2. Chuẩn hóa dữ liệu: tổ chức và cấu trúc dữ liệu trong cơ sở dữ liệu để loại bỏ dữ liệu trùng lặp, bảo đảm tính nhất quán, tính toàn vẹn và giảm thiểu sai sót của dữ liệu.

3. Cập nhật dữ liệu: cập nhật dữ liệu theo quy trình nghiệp vụ định kỳ hoặc theo nhu cầu phát sinh

4. Lưu trữ dữ liệu: lưu trữ toàn bộ dữ liệu đã chuẩn hóa vào cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành có khả năng phục vụ: Tra cứu, quản lý, thống kê, phân tích, phân phối, chia sẻ.

5. Cung cấp dữ liệu: cung cấp dữ liệu cho hệ thống dùng chung, chủ động đẩy dữ liệu.

6. Chia sẻ dữ liệu: cho phép các đơn vị khác truy vấn hoặc chia sẻ dữ liệu theo đúng quyền, phạm vi được cho phép.

7. Khai thác và sử dụng: sử dụng dữ liệu phục vụ để tra cứu, phân tích, quản lý, báo cáo theo nghiệp vụ từng chuyên ngành, hỗ trợ ra quyết định và các chính sách.

8. Lưu trữ lịch sử: sau khi dữ liệu đã được sử dụng hoặc cập nhật, thực hiện lưu trữ dữ liệu lịch sử bảo đảm khả năng truy xuất, tra cứu, đối soát hoặc phục vụ kiểm tra, rà soát về sau

9. Hủy dữ liệu: hủy dữ liệu khi hết hạn lưu trữ hoặc không còn giá trị cần lưu trữ (theo quy định), không cho phép khôi phục và cần lưu lại lịch sử hủy dữ liệu.

Điều 14. Tiêu chí chất lượng dữ liệu

1. Tính đầy đủ (Completeness): dữ liệu phải hiện diện đầy đủ các trường cần thiết để phục vụ nghiệp vụ;

2. Tính nhất quán (Consistency): dữ liệu phải đồng nhất và không mâu thuẫn giữa các hệ thống;

3. Tính chính xác (Accuracy): dữ liệu phản ánh đúng thực tế khách quan, không bị sai lệch;

4. Tính kịp thời (Timeliness): dữ liệu được cập nhật đúng thời điểm cần thiết;

5. Tính duy nhất (Uniqueness): không có bản ghi trùng lặp đối với dữ liệu định danh hoặc dữ liệu chủ.

Điều 15. Đo lường, đánh giá chất lượng dữ liệu

Bao gồm việc thiết lập ngưỡng phân trăm chấp nhận được cho từng chiều chất lượng; xây dựng công thức tính điểm tổng hợp để đánh giá mức độ tuân thủ; xây dựng và công bố Chỉ số chất lượng dữ liệu được cập nhật định kỳ.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 16. Trách nhiệm chung của các cơ quan nhà nước

1. Khai thác, sử dụng hiệu quả dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố đảm bảo đúng quy định tại Điều 4, Điều 8 của Quy định này.

2. Đề xuất bổ sung cơ sở dữ liệu thuộc thẩm quyền quản lý vào Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố.

3. Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thông tin của cơ quan đảm bảo sẵn sàng triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu trực tuyến qua môi trường mạng.

4. Đảm bảo bố trí nhân sự phối hợp chặt chẽ trong thực hiện nhiệm vụ kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố.

5. Đảm bảo các yêu cầu về kết nối, chia sẻ dữ liệu với Kho cơ sở dữ liệu dùng chung thông qua LGSP của thành phố khi xây dựng mới, nâng cấp phần mềm hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành của cơ quan.

6. Đảm bảo kế hoạch phát triển Chính quyền số và bảo đảm an ninh mạng của cơ quan hàng năm có đầy đủ các nội dung về xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu, thực hiện kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung.

Điều 17. Trách nhiệm của cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố

1. Chủ trì thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 6 của Quy định này.
2. Xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện cơ sở dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, đảm bảo tích hợp, đồng bộ dữ liệu đầy đủ, kịp thời vào Kho cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố.
3. Bố trí nhân sự đảm bảo thực hiện nhiệm vụ quản lý, vận hành, cập nhật đầy đủ dữ liệu vào các cơ sở dữ liệu do ngành mình quản lý thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, tích hợp, đồng bộ dữ liệu vào Kho cơ sở dữ liệu dùng chung.

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, đường truyền kết nối, quản lý, duy trì, vận hành, nâng cấp, phát triển Kho cơ sở dữ liệu dùng chung, LGSP và Cổng dữ liệu mở của thành phố phục vụ phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của thành phố.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý Kho cơ sở dữ liệu dùng chung, quản lý Trục LGSP và Cổng dữ liệu mở của thành phố theo quy định tại Điều 7, Điều 9 của Quy định này.
3. Tham mưu UBND thành phố cập nhật, ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố khi có sự thay đổi hoặc theo chỉ đạo của cấp trên.
4. Hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, kết nối, chia sẻ dữ liệu với Kho cơ sở dữ liệu dùng chung qua LGSP của thành phố.
5. Dự toán kinh phí quản lý, duy trì vận hành hệ thống Kho cơ sở dữ liệu dùng chung, nền tảng LGSP và Cổng dữ liệu mở của thành phố hàng năm.

Điều 19. Trách nhiệm của Công an thành phố

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá định kỳ việc bảo đảm an ninh dữ liệu, an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu, việc tuân thủ quy định pháp luật về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

2. Chủ trì giám sát, ứng cứu sự cố an toàn, an ninh mạng các hệ thống cơ sở dữ liệu thành phố theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Trách nhiệm của Văn phòng UBND thành phố

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND thành phố chỉ đạo các sở, ngành tăng cường khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung để giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện đơn giản thành phần hồ sơ của các thủ tục hành chính

Điều 21. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Sở Tài chính tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí để triển khai các dự án nâng cấp, mở rộng và kinh phí quản lý, duy trì vận hành thường xuyên hệ thống Kho cơ sở dữ liệu dùng chung, Trục LGSP và Cổng dữ liệu mở của thành phố hàng năm theo khả năng cân đối ngân sách và phân cấp ngân sách.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, giám sát việc thực hiện Quy định này; định kỳ hàng năm (*trước ngày 15/12*) hoặc đột xuất, tổng hợp báo cáo UBND thành phố tình hình thực hiện Quy định.

2. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố áp dụng Quy định này vào thực hiện quản lý, khai thác và sử dụng các cơ sở dữ liệu khác không thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc hoặc cần đề xuất sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND thành phố xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

Phụ lục 1
DANH MỤC CƠ SỞ DỮ LIỆU DÙNG CHUNG THÀNH PHỐ HUẾ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1046/QĐ-UBND ngày 31/3/2026
của UBND thành phố Huế)

STT	ĐƠN VỊ	CƠ SỞ DỮ LIỆU
1.	Công an thành phố	1. Cơ sở dữ liệu (CSDL) giấy phép lái xe 2. CSDL nạn nhân bị mua bán 3. CSDL người cai nghiện ma túy và sau cai nghiện ma túy 4. CSDL về cư trú 5. CSDL Căn cước 6. CSDL đăng ký phương tiện 7. CSDL Địa chỉ số 8. CSDL định danh điện tử 9. CSDL định danh điện tử tổ chức 10. CSDL dùng chung về con dấu và kinh doanh có điều kiện 11. CSDL Quản lý phạm nhân, trại viên, học sinh trường giáo dưỡng 12. CSDL về dân cư 13. CSDL về xuất nhập cảnh 14. CSDL tai nạn giao thông 15. CSDL về phòng cháy chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn 16. CSDL Xử lý vi phạm hành chính 17. CSDL lý lịch tư pháp 18. CSDL thi hành án hình sự tại cộng đồng 19. CSDL tái hòa nhập cộng đồng 20. CSDL về thi hành tạm giữ, tạm giam trong Công an nhân dân. 21. CSDL quản lý ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về An ninh trật tự. 22. CSDL quản lý vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
2.	Sở Công Thương	1. CSDL Hồ chứa thủy điện 2. CSDL Môi trường ngành Công Thương 3. CSDL Hệ thống cảnh báo sớm 4. CSDL Kết quả điều tra thống kê ngành TMĐT 5. CSDL Quản lý hoạt động thương mại điện tử 6. CSDL Xúc tiến thương mại 7. CSDL Hội chợ triển lãm 8. CSDL Quản lý khuyến mại 9. CSDL Bảo vệ người tiêu dùng 10. CSDL Quản lý bán hàng đa cấp 11. CSDL Hiệp định thương mại tự do 12. CSDL Thương mại Việt Nam (VNTR)

		13. CSDL Thống kê ngành Công thương 14. CSDL Kết quả điều tra thống kê quốc gia về năng lực sản xuất 15. CSDL Báo cáo thống kê ngành Công thương 16. CSDL Quản lý các nhiệm vụ Khoa học công nghệ 17. CSDL Xuất nhập khẩu của Việt Nam với các đối tác quốc tế 18. CSDL Xuất nhập khẩu Trung Quốc 19. CSDL Quản lý và điều hành hoạt động xăng dầu 20. CSDL Danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm 21. CSDL Hàng hóa 22. CSDL kinh tế công nghiệp và thương mại 23. CSDL xử lý vi phạm hành chính (INS) 24. Hệ thống Quản lý thông tin khách hàng (EVN)
3.	Sở Giáo dục và Đào tạo	1. CSDL cơ sở giáo dục nghề nghiệp 2. CSDL học sinh, sinh viên giáo dục nghề nghiệp 3. CSDL nhà giáo giáo dục nghề nghiệp 4. CSDL về Giáo dục Mầm non - Phổ thông - Thường xuyên
4.	Sở Khoa học và Công nghệ	1. CSDL Cơ quan, doanh nghiệp bưu chính 2. CSDL Cơ quan, doanh nghiệp lĩnh vực viễn thông 3. CSDL Doanh thu dịch vụ viễn thông 4. CSDL quốc gia về khoa học và công nghệ 5. CSDL Tài nguyên viễn thông 6. CSDL Thống kê tốc độ truy cập Internet băng rộng cố định và băng rộng di động của các Doanh nghiệp. 7. CSDL Nhân lực khoa học và công nghệ 8. CSDL về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng 9. CSDL công bố đơn về Sở hữu công nghiệp 10. CSDL về năng lượng nguyên tử 11. CSDL về quản lý thị trường KH&CN 12. CSDL về ứng dụng và phát triển công nghệ 13. CSDL về khoa học biển 14. CSDL về công nghệ sinh học 15. CSDL về an toàn bức xạ hạt nhân 16. CSDL công nghiệp công nghệ số 17. CSDL Nhiệm vụ khoa học và công nghệ 18. CSDL Tổ chức khoa học và công nghệ 19. CSDL về công tác thanh tra - kiểm tra chuyên ngành. 20. CSDL về phổ biến thông tin KH&CN 21. CSDL về đối thoại doanh nghiệp 22. CSDL Thống kê khoa học và công nghệ 23. CSDL quản lý các đề án - chương trình KH&CN thành phố 24. CSDL Quyết toán tài chính.
5.	Sở Ngoại vụ	1. CSDL hợp tác giữa Sở Ngoại vụ với các địa phương 2. CSDL hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ

6.	Sở Nội vụ	1. CSDL giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp 2. CSDL người hưởng chính sách ưu đãi người có công 3. CSDL người lao động 4. CSDL Người lao động nước ngoài làm việc tại thành phố 5. CSDL người lao động thành phố đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 6. CSDL về cán bộ, công chức, viên chức 7. CSDL tai nạn lao động 8. CSDL về Chính quyền địa phương và địa giới hành chính 9. CSDL về Hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ. 10. CSDL liệt sĩ, mộ liệt sĩ và nghĩa trang liệt sĩ. 11. CSDL về Tổ chức, bộ máy 12. CSDL quản lý, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức 13. CSDL thi đua - khen thưởng 14. CSDL về các dân tộc thiểu số. 15. CSDL về đào tạo, bồi dưỡng lĩnh vực dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng. 16. CSDL về kết quả khoa học, công nghệ lĩnh vực dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng 17. CSDL về Tôn giáo 18. Xây dựng, số hóa cơ sở dữ liệu về dân tộc, thành phần dân tộc các dân tộc Việt Nam 19. CSDL về thực trạng kinh tế - xã hội của dân tộc thiểu số 20. CSDL về Nhân tài thành phố
7.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	1. CSDL khí tượng thủy văn 2. CSDL nền địa lý 3. CSDL nghề cá 4. CSDL nuôi trồng thủy sản 5. CSDL về Đất đai 6. CSDL trồng trọt 7. CSDL về giống cây trồng. 8. CSDL về khai thác sử dụng tài nguyên biển và hải đảo 9. CSDL báo cáo thống kê ngành tài nguyên và môi trường 10. CSDL môi trường 11. CSDL hộ nghèo, hộ cận nghèo 12. CSDL thuốc bảo vệ thực vật 13. CSDL Quản lý mã số vùng trồng 14. CSDL về thức ăn chăn nuôi 15. CSDL về bố trí dân cư nông thôn. 16. Hệ thống quản lý và Cơ sở dữ liệu văn bản, hồ sơ, tài liệu 17. CSDL rừng
8.	Sở Tài chính	1. CSDL về đăng ký doanh nghiệp

		2. CSDL về đầu tư công 3. CSDL về đầu tư nước ngoài và đầu tư ra nước ngoài 4. CSDL về khu công nghiệp, khu kinh tế 5. CSDL về quy hoạch 6. CSDL về đăng ký hợp tác xã 7. CSDL về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 8. CSDL tổng hợp về tài chính 9. CSDL Giá 10. CSDL Nợ công 11. CSDL Tài sản công 12. CSDL Thu - chi ngân sách thành phố 13. CSDL về các dự án đầu tư 14. CSDL về giám sát, đánh giá đầu tư. 15. CSDL về chương trình mục tiêu quốc gia
9.	Sở Tư pháp	1. CSDL hộ tịch điện tử 2. CSDL về pháp luật (dữ liệu văn bản QPPL...) 3. CSDL phổ biến, giáo dục pháp luật và hoà giải cơ sở 4. CSDL trợ giúp pháp lý 5. CSDL bồi thường nhà nước 6. CSDL quản lý thừa phát lại 7. CSDL công chứng 8. CSDL quản lý đấu giá tài sản 9. CSDL quản lý các chức danh hỗ trợ tư pháp (luật sư, trọng tài viên...)
10.	Sở Du lịch	1. CSDL dùng chung về nguồn lực của ngành Du lịch 2. CSDL dùng chung về hạ tầng của ngành Du lịch 3. CSDL Cơ sở lưu trú du lịch 4. CSDL Hướng dẫn viên du lịch 5. CSDL Doanh nghiệp lữ hành 6. CSDL Khu du lịch, điểm du lịch thành phố
11.	Sở Văn hóa và Thể thao	1. CSDL Cơ quan báo chí 2. CSDL Đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan 3. CSDL Di sản văn hóa phi vật thể (hệ thống thông tin quản lý di sản văn hóa phi vật thể) 4. CSDL Hiện vật (Hệ thống thông tin quản lý hiện vật) 5. CSDL Phòng chống bạo lực gia đình 6. CSDL Sản phẩm quảng cáo 7. CSDL Thành tích thể thao 8. CSDL về hạ tầng của ngành VHTT 9. CSDL Văn hóa các dân tộc thành phố 10. CSDL Nguồn lực về quyền tác giả, quyền liên quan. 11. CSDL Sản xuất phim 12. CSDL Phát hành, phổ biến, lưu chiếu phim 13. CSDL Quảng bá, xúc tiến phát triển điện ảnh 14. CSDL Hoạt động nghệ thuật biểu diễn 15. CSDL Di tích Việt Nam (Hệ thống thông tin quản lý di tích) 16. CSDL Hạ tầng cơ sở thể thao

		17. CSDL Đăng cai sự kiện thể thao 18. CSDL tài nguyên văn hóa, đình chùa miếu mạo... trên địa bàn thành phố. 19. CSDL các điểm di tích
12.	Sở Xây dựng	1. CSDL cấp nước sạch và thoát nước đô thị 2. CSDL đăng kiểm phương tiện 3. CSDL kết cấu hạ tầng đường bộ 4. CSDL về năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân và tổ chức. 5. CSDL về Phát triển đô thị 6. Hệ thống thông tin nhà ở và thị trường bất động sản. 7. CSDL về định mức xây dựng, giá xây dựng công trình và chỉ số giá xây dựng; 8. CSDL chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.
13.	Sở Y tế	1. CSDL cơ sở trợ giúp xã hội 2. CSDL đối tượng trợ giúp xã hội 3. CSDL lĩnh vực dự phòng, HIV, AIDS 4. CSDL môi trường cơ sở y tế 5. CSDL người khuyết tật 6. CSDL người làm công tác xã hội 7. CSDL quản lý trẻ em 8. CSDL về an toàn thực phẩm 9. CSDL về khám, chữa bệnh 10. CSDL về nhân lực y tế 11. Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia 12. Hệ thống thông tin lĩnh vực sức khỏe bà mẹ trẻ em/sức khỏe sinh sản 13. CSDL hồ sơ bệnh án điện tử 14. CSDL mã định danh y tế cá nhân 15. CSDL mã dược phẩm & thiết bị y tế 16. CSDL giám sát dịch bệnh 17. CSDL quản lý hồ sơ sức khỏe & hỗ trợ sinh sản 18. CSDL quản lý khám chữa bệnh & hành nghề y tế 19. CSDL về dược và mỹ phẩm 20. CSDL quản lý thiết bị y tế 21. CSDL quản lý cơ sở khám chữa bệnh 22. CSDL báo cáo - thống kê dược & thiết bị y tế 23. CSDL giám định pháp y 24. CSDL thanh toán viện phí điện tử 25. CSDL nền tảng sở sức khỏe điện tử 26. CSDL kỹ thuật về quản lý An toàn thông tin y tế.
14.	Văn phòng UBND thành phố	1. CSDL về Thủ tục hành chính

Phụ lục 2

DANH MỤC DỮ LIỆU CHỦ THÀNH PHỐ HUẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1046/QĐ-UBND ngày 31/3/2026
của UBND thành phố Huế)

Stt	Cơ quan thực hiện	Loại dữ liệu chủ	Thông tin cơ bản mô tả đối tượng	Mã quản lý duy nhất cho đối tượng
1	Công an thành phố	Con người	Họ, chữ đệm và tên khai sinh; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Quê quán; Quốc tịch; Dân tộc; Ngày, tháng, năm chết hoặc mất tích	Số định danh cá nhân
2	Công an thành phố	Tổ chức	Tên cơ quan, tổ chức; Ngày, tháng, năm thành lập; Địa chỉ trụ sở chính; Giấy tờ liên quan (Số đăng ký kinh doanh; mã số; Số giấy chứng nhận con dấu, quyết định thành lập,...); Loại hình tổ chức; Họ, chữ đệm và tên, số định danh cá nhân (hoặc số định danh của người nước ngoài) của người đại diện theo pháp luật hoặc người đứng đầu cơ quan, tổ chức	Số định danh của cơ quan, tổ chức
3	Công an thành phố	Địa điểm	Đối tượng định danh địa điểm; Tên địa điểm; địa chỉ chi tiết; đường, phố; Phường, xã; Tỉnh, thành phố; Mã bưu chính; Giá trị tọa độ của các địa điểm được thể hiện trên hệ tọa độ hệ quy chiếu quốc gia VN-2000	Mã định danh địa điểm